

- CCA
- ĐIC HỌA PTY JRTN P. MUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN Số: 83
Ngày: 09/3/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

GẠO ĐÀI THƠM

Số: 01/HALIN/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- Địa chỉ: Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại: 0965.847.999
- Mã số doanh nghiệp: 1001304570 Đăng ký ngày 27 tháng 6 năm 2025
- Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.
- Số giấy chứng nhận HACCP số: VCA.2096.4A. Cấp ngày: 19/11/2025. Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận VCA.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GẠO ĐÀI THƠM

2. Thành phần: Gạo Đài thơm 100%.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách bao gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 01kg, 2kg, 5kg, 10kg, 50kg....trong túi kín chất liệu nhựa PP/PA/PE. Hoặc được đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PA/PE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn

quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Hà Lin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2017 của Chính phủ: Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và tạp chất lạ.

- Màu sắc: màu trắng đặc trưng của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Độ ẩm	%	≤ 14%

3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong



quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Hà Lâm camp kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-4:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư 50/2010/TT-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2010 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2013 của Chính phủ Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2013 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và tập chôn.

- Màu sắc: màu trắng thực trạng của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Bộ ẩm	%	≤ 14%

3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong

thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 5
2	Aflatoxin Tổng số	µg/kg	≤ 10
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 5

4. Giới hạn kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,4
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày..18..tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Lin



**NỘI DUNG NHÃN DƯ KIẾN
GẠO ĐÀI THƠM**

(Đính kèm bản TCB số 01/HALIN/2026)

- 1. Tên sản phẩm:** GẠO ĐÀI THƠM
- 2. Thành phần:** Gạo Đài thơm 100%.
- 3. Hướng dẫn sử dụng:**
 - Ngâm với nước sạch từ 15 phút trước khi chế biến để gạo đạt độ dẻo và ngon nhất.
 - Vo gạo bằng nước sạch từ 1-2 lần.
 - Lượng nước: Tỷ lệ gạo (1): Nước (1). Hoặc điều chỉnh lượng nước phù hợp, tùy khẩu vị.
 - Nấu cơm: Nhấn nút nấu cơm. Không mở nắp nồi chờ tới khi cơm chín.
- 4. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- 5. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi, khi hết hạn sử dụng.
- 6. Khối lượng tịnh:** ...kg
- 7. NSX:** (in trên bao bì)
- 8. HSD:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
- 9. Số TCB:** 01/HALIN/2026
- 10. Sản xuất bởi:** CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- 11. Địa chỉ:** Thôn Bát Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- 12. Xuất xứ:** Việt Nam

HÀ LĨN
CÔNG TY TNHH
GẠO ĐẠI THOM
MỘT DUNG NHẬN BÚ KIẾN
Số đăng ký kinh doanh TCB 01/HA LIN 2020



1. Tên sản phẩm: GẠO ĐẠI THOM

2. Thành phần: Gạo Đại Thom 100%

3. Hướng dẫn sử dụng:

- Ngâm với nước sạch từ 12 phút trước khi chế biến để gạo đạt độ dẻo và ngon nhất.

- Vo gạo bằng nước sạch từ 1-2 lần.

- Lượng nước: Tỷ lệ gạo (1) : Nước (1). Hoặc điều chỉnh lượng nước (ph) hợp tỷ khẩu vị.

- Mắm muối: Nhấm muối vừa ăn. Không nên rắc muối cho tới khi cơm chín.

4. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi, khi hết hạn sử dụng.

6. Khối lượng tịnh: ... kg

7. NSX: (sản xuất tại)

8. HSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất

9. Số TCB: 01/HA LIN 2020

10. Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH HÀ LĨN

11. Địa chỉ: Thôn Bàu Ngao, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

12. Xuất xứ: Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPASS
VINAPASS CORPORATION
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN VÀ THỬ NGHIỆM VNP
VNP CERTIFICATION AND TESTING CENTER



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Certificate of analysis

Số/No: 25/VNP11.0016.01

Trang/Page: 1/1

ĐƠN VỊ YÊU CẦU VÀ GỬI MẪU/Client:

CÔNG TY TNHH HÀ LIN

ĐỊA CHỈ/Address:

Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

TÊN MẪU/Sample type:

GAO ĐÀI THƠM

Mã số mẫu/Sample ID:

Không có/NA

Ngày nhận mẫu:

03-11-2025

Ngày trả kết quả:

10-11-2025

Date of receiving

Date of issue

Ghi chú/Note: Không có/NA

I. MÔ TẢ MẪU/Sample description:

- Ngoại quan/Appearance: Mẫu chứa trong bao bì/ Sample contained in the packaging.
- Bao gói, niêm phong/Packing or Seal condition: Không có/NA.

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/Test result(s)

STT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm Parameters	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Phương pháp thử Test Method
1.	Hàm lượng Ẩm	%	13,6	VNP-C10008 ⁽¹⁾
2.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,015)	AOAC 999.11 ⁽¹⁾
3.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH/ND (LOD: 0,015)	AOAC 999.11 ⁽¹⁾
4.	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	KPH/ND (LOD: 1,0)	VNP-C10104
5.	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	KPH/ND (LOD: 0,4)	VNP-C10104
6.	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH/ND (LOD: 1,0)	VNP-C10106

KT. PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM/
Authorized by Officer in charge of laboratory

Mã Đức Bằng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM/
Director



Trần Xuân Tiến

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is only valid on tested sample.
- Thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu/ The above information is submitted and identified by the client/applicant.
- Chỉ tiêu đánh dấu ⁽¹⁾ đã được công nhận (ISO/IEC 17025)/ Items are accredited (ISO/IEC 17025).
- Chỉ tiêu ⁽²⁾ đã được chỉ định/ Items are appointed.
- Chỉ tiêu ⁽³⁾ sử dụng nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.
- Chỉ tiêu ⁽³⁾ sử dụng nhà thầu phụ và đã được công nhận (ISO/IEC 17025)/ Items are tested by subcontractor and are accredited (ISO/IEC 17025).
- LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng/ LOD: Limit of detection, LOQ: Limit of quantification.
- KPH/ND: Không phát hiện/Not detected.
- < 10 CFU/g hoặc < 1 CFU/ml: không có khuẩn lạc nào hiện diện trên đĩa thạch môi trường/ If no growth observed report the result as < 10 CFU/g or < 1 CFU/ml.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1001304570

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA LIN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0965847999

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương



CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Địa chỉ:

Nhà ông Hà Văn Thân, Thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Thực hiện và duy trì **Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP**

Với phạm vi áp dụng:

*Xay xát, đóng gói và bảo quản gạo. Kinh doanh các sản phẩm: gạo, cám, trấu.
(Code: CIV, FI).*

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Chứng nhận số:

VCA.2096.4A

Ngày cấp:

19 - 11 - 2025

Thời hạn hiệu lực:

18 - 11 - 2028



Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc



VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh,
Phường Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.



CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HÀ LÂM

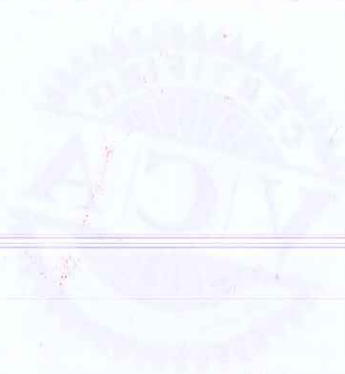
Khoảng 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hàng hóa

Thực hiện và duy trì hệ thống quản trị nội bộ và quản trị nhân lực

Với phạm vi áp dụng: Sản phẩm và dịch vụ của Công ty TNHH Hà Lâm

Đã được đánh giá và phê duyệt với yêu cầu nền tảng

HÀ LÂM CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH HÀNG HÓA



VCA 2020/2A
10-11-2020
10-11-2020



Chứng nhận bởi:
Ngày cấp:
Hết hạn hiệu lực:



Đơn vị cấp:
Địa điểm cấp:

Chứng nhận này chỉ có giá trị khi được sử dụng đúng mục đích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 89
	Ngày: 09/3/2026
	Chuyển:
	Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
GAO BẮC THƠM
Số: 02/HALIN/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- Địa chỉ: Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại: 0965.847.999
- Mã số doanh nghiệp: 1001304570 Đăng ký ngày 27 tháng 6 năm 2025
- Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.
- Số giấy chứng nhận HACCP số: VCA.2096.4A. Cấp ngày: 19/11/2025. Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận VCA.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GAO BẮC THƠM

2. Thành phần: Gạo Bắc thơm 100%.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách bao gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 01kg, 2kg, 5kg, 10kg, 50kg....trong túi kín chất liệu PP/PA/PE. Hoặc được đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PA/PE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn

quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Hà Lin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2017 của Chính phủ: Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và tạp chất lạ.
- Màu sắc: màu trắng đặc trưng của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Độ ẩm	%	$\leq 14\%$

3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong



thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 5
2	Aflatoxin Tổng số	µg/kg	≤ 10
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 5

4. Giới hạn kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,4
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày. 20 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Lin





**NỘI DUNG NHÃN DỰ KIẾN
GẠO BẮC THƠM**

(Đính kèm bản TCB số 02/HALIN/2026)

- 1. Tên sản phẩm:** GẠO BẮC THƠM
- 2. Thành phần:** Gạo Bắc thơm 100%.
- 3. Hướng dẫn sử dụng:**
 - Ngâm với nước sạch từ 15 phút trước khi chế biến để gạo đạt độ dẻo và ngon nhất.
 - Vo gạo bằng nước sạch từ 1-2 lần.
 - Lượng nước: Tỷ lệ gạo (1): Nước (1). Hoặc điều chỉnh lượng nước phù hợp, tùy khẩu vị.
 - Nấu cơm: Nhấn nút nấu cơm. Không mở nắp nồi chờ tới khi cơm chín.
- 4. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- 5. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi, khi hết hạn sử dụng.
- 6. Khối lượng tịnh:** ...kg
- 7. NSX:** *(in trên bao bì)*
- 8. HSD:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
- 9. Số TCB:** 02/HALIN/2026
- 10. Sản xuất bởi:** CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- 11. Địa chỉ:** Thôn Bát Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- 12. Xuất xứ:** Việt Nam

Số/ No.: VLAB0-260127-067/1

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026

Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY TNHH HÀ LIN**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, xã Tây Tiến, tỉnh Hưng Yên.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 27/01/2026
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: 27/01/2026 đến 02/02/2026
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **Gạo Bắc Thơm**
Tình trạng mẫu/ State of sample: Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Phạm Lê Tiến Khánh



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Prov

Số/ No.: VLAB0-260127-067/1

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026

Trang/ Page : 2/4

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Độ ẩm/Moisture content	12,9	%	-	TCVN 11888:2017
2.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
3.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
4.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
5.	Aflatoxin tổng số/Aflatoxin total	KPH/ND	µg/kg	2	VLAB-CH-TP-599(a)
6.	Aflatoxin B1	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
7.	Ochratoxin A (OTA)	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
8.	BVTV nhóm Clo hữu cơ/Organochlorine pesticide	KPH/ND	mg/kg	Theo phụ lục 1 đính kèm	

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260127-067/1

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026

Trang/ Page : 3/4

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THUỐC BVTV: nhóm Clo hữu cơ

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	LOQ (Đơn vị: mg/kg)	Phương pháp phân tích Test method
1.	Aldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
2.	Chlorbenside	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
3.	Chlorobenzilate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
4.	Chloroneb	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
5.	DDD, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
6.	DDD, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
7.	DDE, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
8.	DDE, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
9.	DDT, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
10.	DDT, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
11.	4,4'-Dichlorobenzophenone	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
12.	Dieldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
13.	Endosulfan ether	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
14.	Endosulfan I	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
15.	Endosulfan II	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
16.	Endosulfan sulfate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
17.	Endrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
18.	Ethylan	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
19.	Fenson	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
20.	HCH, gamma-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
21.	Heptachlor	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
22.	Heptachlor epoxide	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
23.	Hexachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No. VLABO-260127-067/1

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026
Trang/ Page : 4/4

24.	Isodrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
25.	Lindane	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
26.	Methoxychlor Olefin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
27.	Nonachlor, cis-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
28.	Nonachlor, trans-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
29.	Pentachloroaniline	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
30.	Pentachloroanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
31.	Pentachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
32.	Pentachlorobenzonitrile	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
33.	Pentachlorothioanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
34.	Quintozene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
35.	Tetradifon	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1001304570

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA LIN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0965847999

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/05/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương



CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Địa chỉ:

Nhà ông Hà Văn Thân, Thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Thực hiện và duy trì **Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP**

Với phạm vi áp dụng:

*Xay xát, đóng gói và bảo quản gạo. Kinh doanh các sản phẩm: gạo, cám, trấu.
(Code: CIV, FI).*

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Chứng nhận số:

VCA.2096.4A

Ngày cấp:

19 - 11 - 2025

Thời hạn hiệu lực:

18 - 11 - 2028



Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc



VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh,
Phường Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 85
	Ngày: 09/3/2026
	Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

GẠO BC

Số: 03/HALIN/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- Địa chỉ: Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại: 0965.847.999
- Mã số doanh nghiệp: 1001304570 Đăng ký ngày 27 tháng 6 năm 2025
- Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.
- Số giấy chứng nhận HACCP số: VCA.2096.4A. Cấp ngày: 19/11/2025. Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận VCA.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GẠO BC

2. Thành phần: Gạo BC 100%.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách bao gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 01kg, 2kg, 5kg, 10kg, 50kg....trong túi kín chất liệu PP/PA/PE. Hoặc được đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PA/PE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn

quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Hà Lin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2017 của Chính phủ: Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và tạp chất lạ.

- Màu sắc: màu trắng đặc trưng của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Độ ẩm	%	$\leq 14\%$

3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong



quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ đóng nhai thực phẩm trực tiếp với thực phẩm.

2. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp không có số sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (không kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Hà Lâm cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/V Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- Thông tư 50/2010/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2010 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2013 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và trứng trên bề mặt.
- Màu sắc: màu trắng đục trong của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Độ ẩm	%	≤ 14%

3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong

thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 5
2	Aflatoxin Tổng số	µg/kg	≤ 10
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 5

4. Giới hạn kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,4
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Lin

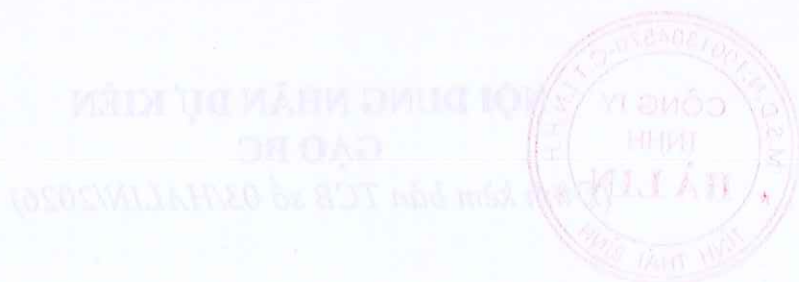




**NỘI DUNG NHÃN DỰ KIẾN
GẠO BC**

(Đính kèm bản TCB số 03/HALIN/2026)

- 1. Tên sản phẩm:** GẠO BC
- 2. Thành phần:** Gạo BC 100%.
- 3. Hướng dẫn sử dụng:**
 - Ngâm với nước sạch từ 15 phút trước khi chế biến để gạo đạt độ dẻo và ngon nhất.
 - Vo gạo bằng nước sạch từ 1-2 lần.
 - Lượng nước: Tỷ lệ gạo (1): Nước (1). Hoặc điều chỉnh lượng nước phù hợp, tùy khẩu vị.
 - Nấu cơm: Nhấn nút nấu cơm. Không mở nắp nồi chờ tới khi cơm chín.
- 4. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- 5. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi, khi hết hạn sử dụng.
- 6. Khối lượng tịnh:** ...kg
- 7. NSX:** (in trên bao bì)
- 8. HSD:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
- 9. Số TCB:** 03/HALIN/2026
- 10. Sản xuất bởi:** CÔNG TY TNHH HÀ LIN
- 11. Địa chỉ:** Thôn Bát Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- 12. Xuất xứ:** Việt Nam



1. Tên sản phẩm: GAO BC

2. Thành phần: Gạo BC 100%

3. Hướng dẫn sử dụng:

- Ngâm với nước sạch từ 1-2 phút trước khi chế biến để gạo dẻo và ngon hơn.

- Vớt gạo bằng nước sạch từ 1-2 lần.

- Lượng nước: Tỷ lệ gạo (1) : Nước (1). Hoặc điều chỉnh lượng nước phù hợp với khẩu vị.

- Mắm cơm: Nhấn nút nấu cơm. Không mở nắp nồi chờ tới khi cơm chín.

4. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi, khi hết hạn sử dụng.

6. Khối lượng tịnh: ...kg

7. NXS: (in trên bao bì)

8. MSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

9. Số TCR: 03HALLIN2026

10. Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH HẢI LÂN

11. Địa chỉ: Thôn Bạt Ngang, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

12. Xuất xứ: Việt Nam

Số/ No.: VLAB0-260127-067/2

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026
Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY TNHH HÀ LIN**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, xã Tây Tiến, tỉnh Hưng Yên.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 27/01/2026
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: 27/01/2026 đến 02/02/2026
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **Gạo BC**
Tình trạng mẫu/ State of sample: Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Phạm Lê Tiến Khánh



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260127-067/2

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026
Trang/ Page : 2/4

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Độ ẩm/Moisture content	13,4	%	-	TCVN 11888:2017
2.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
3.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
4.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
5.	Aflatoxin tổng số/Aflatoxin total	KPH/ND	µg/kg	2	VLAB-CH-TP-599(a)
6.	Aflatoxin B1	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
7.	Ochratoxin A (OTA)	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
8.	BVTV nhóm Clo hữu cơ/Organochlorine pesticide	KPH/ND	mg/kg	Theo phụ lục 1 đính kèm	

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260127-067/2

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026
Trang/ Page : 3/4

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THUỐC BVTV: nhóm Clo hữu cơ

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	LOQ (Đơn vị: mg/kg)	Phương pháp phân tích Test method
1.	Aldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
2.	Chlorbenseide	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
3.	Chlorobenzilate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
4.	Chloroneb	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
5.	DDD, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
6.	DDD, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
7.	DDE, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
8.	DDE, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
9.	DDT, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
10.	DDT, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
11.	4,4'-Dichlorobenzophenone	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
12.	Dieldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
13.	Endosulfan ether	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
14.	Endosulfan I	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
15.	Endosulfan II	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
16.	Endosulfan sulfate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
17.	Endrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
18.	Ethylan	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
19.	Fenson	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
20.	HCH, gamma-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
21.	Heptachlor	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
22.	Heptachlor epoxide	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
23.	Hexachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260127-067/2

Ngày phát hành/ Issue date : 02/02/2026
Trang/ Page : 4/4



24.	Isodrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
25.	Lindane	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
26.	Methoxychlor Olefin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
27.	Nonachlor, cis-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
28.	Nonachlor, trans-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
29.	Pentachloroaniline	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
30.	Pentachloroanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
31.	Pentachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
32.	Pentachlorobenzonitrile	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
33.	Pentachlorothioanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
34.	Quintozene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
35.	Tetradifon	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1001304570

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA LIN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Hà Văn Thân, thôn Bát Nạo, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0965847999

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cổ Đằng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HÀ VĂN LIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092023223

Ngày cấp: 06/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Đảng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Đảng, Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương



CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HÀ LIN

Địa chỉ:

Nhà ông Hà Văn Thân, Thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Thực hiện và duy trì Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP

Với phạm vi áp dụng:

Xay xát, đóng gói và bảo quản gạo. Kinh doanh các sản phẩm: gạo, cám, trấu.
(Code: CIV, FI).

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Chứng nhận số:

VCA.2096.4A

Ngày cấp:

19 - 11 - 2025

Thời hạn hiệu lực:

18 - 11 - 2028



Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc



VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh,
Phường Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

